

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hương.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2024 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Sơn S, sinh năm: 1988 “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: khóm L, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Chị Thạch Thị T, sinh năm: 1992 “vắng mặt”.

Địa chỉ: khóm L, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Sơn S trình bày:

- Về hôn nhân: anh Sơn S và chị Thạch Thị T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2010 tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn anh S và chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan

điểm, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh S và chị T đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, nên anh S yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: trong thời gian chung sống anh S và chị T có 01 người con chung tên Sơn Thị Thanh T1, sinh ngày 19/10/2010. Hiện nay cháu T1 đang sống chung với chị T. Anh S thống nhất cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 cho đến khi cháu Thanh thành N. Anh S sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống anh S và chị T không có tài sản chung và nợ chung, nên anh S không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đền N1 xét xử vắng mặt anh Sơn S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trên.

* Bị đơn là chị Thạch Thị T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, nên chị T đã biết được yêu cầu khởi kiện của anh Sơn S. Chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh S.

Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập chị T tham gia phiên họp hai lần họp lệ, nhưng chị T vắng mặt không có lý do và chị T cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Sơn S. Về hôn nhân: xử cho anh Sơn S được ly hôn với chị Thạch Thị T; về con chung: giao cháu Sơn Thị Thanh T1, sinh ngày 19/10/2010 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thanh thành N; về cấp dưỡng nuôi con: do chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên anh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh S, không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: anh S và chị T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện 07 tháng 3 năm 2024 của nguyên đơn anh Sơn S thì anh S kiện chị Thạch Thị T là bị đơn cư trú tại khóm L, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn anh Sơn S khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với bị đơn chị Thạch Thị T, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Anh Sơn S là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[1.4] Chị Thạch Thị T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Sơn S và chị Thạch Thị T tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh S và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh S và chị T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì anh S và chị T chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên anh S và chị T sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì anh S và chị T không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2011. Từ khi sống ly thân cho đến nay anh S và chị T không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng anh S yêu cầu được ly hôn; chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh S.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của anh S và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh S yêu cầu được ly hôn với chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho anh S được ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống anh Sơn S và chị Thạch Thị T có 01 người con chung tên Sơn Thị Thanh T1, sinh ngày 19/10/2010. Từ khi anh S và chị T sống ly thân cho đến nay chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Anh S thống nhất cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 cho đến khi cháu Thanh thành N; chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh S.

Xét thấy: từ khi anh S và chị T sống ly thân cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Hiện nay cháu T1 đang có cuộc sống ổn định cùng với chị T, nên việc anh S thống nhất cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T1 và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S, xử giao cháu T1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thanh thành N. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh S, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống S và chị Thạch Thị T không có tài sản chung, anh S và chị T không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống Sơn Sảng và chị Thạch Thị T không có nợ chung, anh S và chị T không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Sơn S, xử cho anh Sơn S được ly hôn với chị Thạch Thị T; về con chung: giao cháu Sơn Thị Thanh T1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thanh thành N; về cấp dưỡng nuôi con: do chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên anh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: anh S và chị T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc anh Sơn S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003231 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, như vậy anh S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Thạch Thị T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228,

Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự; Điều 6 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Sơn S.

1. Về hôn nhân: xử cho anh Sơn S được ly hôn với chị Thạch Thị T.

2. Về con chung: giao cháu Sơn Thị Thanh T1, sinh ngày 19/10/2010 cho chị Thạch Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thanh thành N. Anh Sơn S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh S, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: anh Sơn S và chị Thạch Thị T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: anh Sơn S và chị Thạch Thị T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: anh Sơn S phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003231 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, như vậy anh S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Thạch Thị T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn anh Sơn S và bị đơn chị Thạch Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- UBND P. Khánh Hòa, TX Vĩnh Châu;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo